

Bản án số: 38/2021/DS-ST

Ngày: 23-09-2021

V/v tranh chấp chia di sản thừa kế.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hoan

2. Bà Đỗ Thị Hoài Mơ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 09 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2021/TLST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2021 về việc: “Tranh chấp chia di sản thừa kế”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2021/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 08 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn C, xã thị trấn X, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

Bị đơn: - Ông Từ Hồng M, sinh năm 1946

- Bà Tăng Thị L, sinh năm 1948

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã S, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (đều vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Từ Duy A, sinh năm 2012

- Cháu Từ Bảo B, sinh năm 2015

Đều do chị Trần Thị T, sinh năm 1983 là người đại diện theo pháp luật.

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã thị trấn X, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày: Năm 2011 chị kết hôn với anh Từ Duy P, sinh năm 1983 thôn N, xã S, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Trong quá trình chung sống, năm 2014 chị và anh P mua được lô đất số 26, tờ bản đồ số: QHPL, diện tích 100m² (đất ở-ONT), khu Bãi Ổi, thôn Văn Giang, xã S, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, đã được Ủy ban nhân dân huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/09/2014, sổ vào sổ cấp GCN: CH01800, QĐ số: 1353/QĐ-UBND, mang

tên ông Từ Duy P, sinh năm 1983; bà Trần Thị T, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn N, xã S, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Ngày 31/12/2014 anh P tai nạn giao thông chết, không để lại di chúc. Khi chết anh P không còn nợ hoặc phải thực hiện bất cứ nghĩa vụ gì đối với ai. Anh P cũng không có con nuôi, cha nuôi, mẹ nuôi. Vì vậy, nay chị đề nghị Tòa án chia phần di sản là $\frac{1}{2}$ thửa đất trên của anh P theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai, bị đơn là ông Từ Hồng M, bà Tăng Thị L thống nhất trình bày: Ông bà là bố mẹ đẻ anh Từ Duy P. Năm 2011, anh P kết hôn với chị Trần Thị T. Năm 2014, anh P và chị T có mua được thửa đất như chị T đã trình bày. Cuối năm 2014 anh P qua đời do tai nạn giao thông. Đến khi chết anh P không nợ ai. Nay chị T là con dâu ông bà đề nghị chia di sản thừa kế là thửa đất trên, ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa, các bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp thừa kế tài sản” quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Các đương sự đều cư trú tại huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[1.3]. Về thời hiệu khởi kiện thừa kế: Tại khoản 1 Điều 645 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: *“Thời hiệu khởi kiện để người thừa kế yêu cầu chia di sản, xác nhận quyền thừa kế của mình hoặc bác bỏ quyền thừa kế của người khác là 10 năm kể từ thời điểm mở thừa kế”*. Theo khoản 1 Điều 633 Bộ luật dân sự năm 2005 thì *“Thời điểm mở thừa kế là thời điểm người có tài sản chết”*. Như vậy, ngày 31/12/2014 anh Từ Duy P chết, ngày 01/02/2021 chị Trần Thị T có đơn yêu cầu Tòa án chia di sản là bất động sản do anh P để lại là đảm bảo thời hiệu.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Về nguồn gốc hình thành di sản: Năm 2011, chị Trần Thị T kết hôn với anh Từ Duy P. Ngày 17/06/2014, chị T và anh P trúng đấu giá quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 26, tờ bản đồ số: QHPL, diện tích 100m² (đất ở-ONT), khu

Bãi Ôi, thôn Văn Giang, xã S, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang; và ngày 17/09/2014 đã được Ủy ban nhân dân huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ cấp GCN: CH01800, QĐ số: 1353/QĐ-UBND. Tại khoản 1 Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định: *“Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ, chồng tạo ra, thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng và thu nhập hợp pháp khác trong thời kỳ hôn nhân, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 40 của Luật này; tài sản mà vợ chồng được thừa kế chung hoặc được tặng cho chung và tài sản khác mà vợ chồng thỏa thuận là tài sản chung. Quyền sử dụng đất mà vợ, chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng, trừ trường hợp vợ chồng được thừa kế riêng, tặng cho riêng hoặc có được thông qua giao dịch bằng tài sản riêng”*. Thừa đất trên được hình thành bằng nguồn thu nhập do lao động trong thời kỳ hôn nhân nên xác định đây là tài sản chung của vợ chồng chị Trần Thị T và anh Từ Duy P. Anh P và chị T có công sức đóng góp ngang nhau, do đó $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản trên là của chị T, $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản còn lại là của anh P. Ngày 31/12/2014, anh Từ Duy P chết do tai nạn giao thông, không để lại di chúc, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 675 Bộ luật dân sự năm 2005, phần di sản của anh P được chia theo quy định của pháp luật.

[2.2]. Căn cứ kết quả xem xét, thẩm định và định giá tài sản ngày 26/04/2021, thửa đất số 26, tờ bản đồ số: QHPL, diện tích 100m² (đất ở-ONT), khu Bãi Ôi, thôn Văn Giang, xã S, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, đã được Ủy ban nhân dân huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/09/2014, số vào sổ cấp GCN: CH01800, QĐ số: 1353/QĐ-UBND, mang tên ông Từ Duy P, bà Trần Thị T có giá là 750.000.000đ (bảy trăm năm mươi triệu đồng). Trên đất không có tài sản, cây cối, hoa màu gì. Như vậy, phần di sản anh P để lại có giá trị là 375.000.000đ.

[2.3]. Về hàng thừa kế: Quá trình chung sống, chị Trần Thị T và anh Từ Duy P sinh được 02 con chung là Từ Duy A, sinh ngày 09/12/2012, Từ Bảo B, sinh ngày 19/07/2015. Từ khi anh Từ Duy P qua đời (31/12/2014) đến nay, bố mẹ đẻ anh P là ông Từ Hồng M, bà Tăng Thị L vẫn còn sống. Điểm a khoản 1 Điều 676 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: *“Hàng thừa kế thứ nhất gồm: Vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết”*. Khi còn sống, anh Từ Huy P không có cha nuôi, mẹ nuôi, con nuôi nên hàng thừa kế thứ nhất được hưởng di sản của anh P gồm có: Chị Trần Thị T, ông Từ Hồng M, bà Tăng Thị L, cháu Từ Duy A, cháu Từ Bảo B.

[2.4]. Theo quy định tại khoản 2 Điều 676 Bộ luật dân sự năm 2005 thì *“những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau”*. Vì vậy, giá trị di sản anh P để lại là $\frac{1}{2}$ thửa đất, trị giá 375.000.000đ cần được chia đều cho 05 người là chị Trần Thị T, ông Từ Hồng M, bà Tăng Thị L, cháu Từ Duy A, cháu Từ Bảo B, mỗi người được 75.000.000đ.

[2.5]. Phần giá trị di sản do anh P để lại là $\frac{1}{2}$ thửa đất 26, diện tích 100m² nếu chia đều cho các đồng thừa kế thì quá nhỏ, không đảm bảo việc sử dụng theo quy định của pháp luật; chị Trần Thị T đang quản lý, sử dụng thửa đất nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 66 Luật hôn nhân và gia đình, giao cho chị Trần Thị T sử dụng thửa đất số 26, tờ bản đồ số: QHPL, diện tích 100m² (đất ở-ONT), khu Bãi Ôi, thôn Văn Giang, xã S, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, đã được Ủy ban nhân dân huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/09/2014, số vào sổ cấp GCN: CH01800, QĐ số: 1353/QĐ-UBND là phù hợp.

Ngoài phần chi Trần Thị T được hưởng di sản do anh P để lại là 75.000.000đ, chi Trần Thị T phải trích trả các đồng thừa kế khác là ông Từ Hồng M, 75.000.000đ, bà Tăng Thị L 75.000.000đ, cháu Từ Duy A 75.000.000đ, cháu Từ Bảo B 75.000.000đ (cháu A, cháu B do chi T đại diện theo pháp luật).

[3]. Về chi phí tố tụng: Quá trình tố tụng, chi Trần Thị T đã nộp 10.000.000đ tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Số tiền trên đã được chi phí hết. Chi Trần Thị T tự nguyện chịu cả số tiền trên. Chi T không yêu cầu các đồng thừa kế khác phải hoàn lại cho chi số tiền trên nên không đặt ra xem xét.

[4]. Về án phí: Chi Trần Thị T phải chịu 5% án phí dân sự sơ thẩm trên giá trị tài sản chi được hưởng từ di sản thừa kế của anh P. Ông Từ Hồng M, bà Tăng Thị L là người cao tuổi; cháu Từ Duy A, cháu Từ Bảo B là người chưa thành niên nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 66 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 633, Điều 635, khoản 1 Điều 645, Điều 674, điểm a khoản 1 Điều 675, điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 676 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 5 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chi Trần Thị T yêu cầu chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Giao cho chi Trần Thị T sử dụng thửa đất số 26, tờ bản đồ số: QHPL, diện tích 100m² đất ở (ONT), khu Bãi Ổi, thôn Văn Giang, xã S, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, đã được Ủy ban nhân dân huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/09/2014, số vào sổ cấp GCN: CH01800, QĐ số: 1353/QĐ-UBND.

Chi Trần Thị T phải trích trả cho ông Từ Hồng M 75.000.000đ, bà Tăng Thị L 75.000.000đ; các cháu Từ Duy A 75.000.000đ, Từ Bảo B 75.000.000đ do chi Trần Thị T là người đại diện theo pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án không trả số tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Chi Trần Thị T phải chịu 3.750.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trừ số tiền 75.00.000đ tiền tạm ứng án phí chi Trần Thị T đã nộp, hoàn trả chi Trần Thị T 3.750.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số:

AA/2017/0005231 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang ngày 03/02/2021.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- VKSND tỉnh;
- Chi cục THADS huyện.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Huân